TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2024/DS–ST
Ngày: 09/8/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Hoàng Sơn;

- Ông Hoàng Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXST–DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Địa chỉ: N, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Đ T: Ông H – Phó Giám đốc Chi nhánh N kiêm Trưởng phòng giao dịch D, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Người đại diện hợp pháp ông H: Ông C, sinh năm 1978; chức vụ: Trưởng Bộ phận quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 14/3/2024), vắng mặt.

Bị đơn: Anh P, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký với anh P hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng chi tiết như sau:

Loại thẻ: JCB Jspeedy Credir Classic – Payroll.

Số thẻ: 356480-3339.

Số tài khoản thẻ: 3190820484.

Hạn mức sử dụng: 15.000.000 đồng.

Ngày đến hạn thanh toán: 22 hàng tháng.

Lãi suất lúc phát hành thẻ 1.25%/tháng.

Đến ngày 22/9/2023 anh P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 22/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 04/3/2024 anh P còn nợ Ngân hàng số nợ 13.322.671 đồng và lãi quá hạn 894.960 đồng.

Ngày 20/3/2024 anh P thanh toán cho Ngân hàng số tiền 912.399 đồng. Tính đến ngày 09/8/2024 anh P còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 12.410.272 đồng và tiền lãi quá hạn 2.749.637 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

(1) Buộc anh P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 09/8/2024 là: số tiền gốc 12.410.272 đồng và tiền lãi quá hạn 2.749.637 đồng.

(2) Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 10/8/2024 cho đến khi anh P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án anh P đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T buộc anh P trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 12.410.272 đồng, lãi theo thỏa thuận hợp đồng.

Về án phí: Anh P chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng T khởi kiện anh P, sinh năm 1994; cư trú tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh yêu cầu đòi tiền tiền vay, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là anh C có đơn xin xét xử vắng mặt; anh P đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C, anh P.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu anh P có nghĩa trả số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn đến ngày 09/8/2024 gồm số tiền gốc 12.410.272 đồng và tiền lãi quá hạn 2.749.637 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Ngân hàng và anh P ký kết hợp đồng tín dụng nội dung Ngân hàng cấp cho anh P thẻ tín dụng oại thẻ: JCB Jspeedy Credir Classic – Payroll, số thẻ: 356480-3339, số tài khoản thẻ: 3190820484, hạn mức sử dụng: 15.000.000 đồng. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P không đến làm việc nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng giữa anh P và Ngân hàng là có thật và hợp pháp.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh P đã thực hiện các giao dịch và vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 20/9/2023. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 22/12/2023. Tính đến đến ngày 09/8/2024 dư nợ còn lại của anh P là 12.410.272 đồng và lãi suất quá hạn là 2.749.637 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các

Tổ chức tín dụng năm 2010 Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 12.410.272 đồng và lãi quá hạn 2.749.637 đồng.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu: 758.000 đồng phí dân sự sơ thẩm quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc anh P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc 12.410.272 đồng và tiền lãi quá hạn 2.749.637 đồng. Tổng cộng 15.159.909 (mười lăm triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm lẻ chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong anh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng (anh P) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Anh P phải chịu 758.000 (bảy trăm năm mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T 356.000 (ba trăm năm mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005994 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (hà).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Hà